

13'	<p><i>* Hoạt động 3: Thực hành vạch dấu, cắt vải</i></p>	<p>hình 2a,b, nêu cách cắt vải. - GV nhận xét, bổ xung. - Gọi h/s đọc ghi nhớ</p> <p>* Kiểm tra dụng cụ học tập. - Nêu thời gian và yêu cầu thực hành. - GV quan sát, uốn nắn, giúp đỡ HS còn lung túng.</p>	<p>SGK. + Nêu cách cắt vải. + 2 em thực hiện.</p> <p>* HS tự kiểm tra theo bàn. - Nghe.</p> <p>- Thực hành vạch 2 dấu thẳng dài 15 cm, 2 dấu đường cong dài 15 cm. Sau đó cắt vải.</p>
5'	<p><i>* Hoạt động 4: Đánh giá KQ học tập.</i></p>	<p>* GV tổ chức trưng bày sản phẩm của h/s - Nêu các tiêu chuẩn đánh giá(SGV 20)</p> <p>- GV nhận xét, xếp loại kết quả thực hành theo 2 mức: Hoàn thành, chưa hoàn thành.</p>	<p>* HS trưng bày sản phẩm theo tổ. - Nghe - Tự xếp loại, nhận xét.</p>
3'	<p>3. Củng cố, dặn dò :</p>	<p>* Nhận xét giờ học. - Hướng dẫn chuẩn bị tiết sau.</p>	

TOÁN
Tiết 14: DÃY SỐ TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU:

Sau bài học , học sinh có khả năng :

1. Kiến thức:

- HS nắm được số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

2. Kỹ năng:

- HS nêu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS tính chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

1. Giáo viên: - Phiếu học tập. Bảng phụ.

2. Học sinh: - SGK, vở nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

A. Ổn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	HD của GV	HD của HS
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	- Gọi HS lên bảng làm BT tiết trước. - Nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng giải bài 2-3 VBT - Lớp nhận xét, bổ sung.
14'	2. Bài mới: <i>a. Giới thiệu bài :</i>	- GV nêu mục đích, y/c tiết học.	
1'			
13'	<i>b. Giới thiệu số tự nhiên và dãy số tự nhiên:</i>	* Cho HS kể một vài số đã học -> GV ghi bảng. - Gọi HS đọc các số vừa kể. -> GV nói: Các số: 0; 1; 2; 3.....100;...1000...là các số tự nhiên.	* 3 HS kể. - HS đọc số.

<p>18' 5'</p>	<p>2. Luyện tập: a. Bài 1, Viết số TN liền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS kể tiếp các số khác. - Cho HS viết các số trên theo TT từ bé đến lớn (từ số 0). - H: Dãy số trên là dãy số gì: Được sắp xếp theo TT nào? -> Các số TN ... từ bé đến lớn (bắt đầu từ số 0) là dãy số TN. - Cho HS nhận xét đâu là dãy số TN và đâu không phải dãy số TN: + 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10... + 0, 1, 2, 4, 5, 6,... + 0, 5, 10, 15, 20, 25... + 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10... - GV giới thiệu và cho HS quan sát tia số. HDHS nhận xét đặc điểm của tia số. + Thêm 1 vào 1 ta được số nào? Số này đứng ở vị trí nào trong dãy số TN? -> Dãy số TN không có số lớn nhất. + Hỏi tương tự với các trường hợp bớt 1. + Có bớt 1 được ở số 0 không? -> 0 là số TN nhỏ nhất. + Hai số TN liền nhau có mối quan hệ ntn? * Gọi HS nêu y/c BT. - Cho HS tự làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS kể tiếp. - 2 HS viết bảng. - Là dãy số tự nhiên, được sắp xếp theo TT từ bé đến lớn. - HS nhận xét và giải thích lý do. + Không phải là dãy số TN. + Không là dãy số TN. + Không là dãy số TN. + Là dãy số TN. - HS quan sát và nêu đặc điểm của tia số. - Thêm 1 vào 1 được số 2 là số liền sau của số 1 - HSTL. + Không. + Hơn kém nhau 1 đv.
-------------------	---	---	--

	<i>sau...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ, gọi HS lên điền KQ. - Nhận xét, chốt KQ đúng. -> Muốn tìm số liền sau của một số ta làm thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> * 1 HS nêu. - Làm bài vào vở. - HS nối tiếp nhau lên điền KQ. - Nhận xét, bổ sung. -> 1 HS trả lời.
5'	<i>b. Bài 2: Viết số TN liền trước...</i>	* GV thực hiện tương tự BT 1.	
5'	<i>c. Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm...</i>	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS nêu y/c BT. - H: Hai số TN liền nhau hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị? - Yêu cầu HS làm bài. - GV gắn 3 phiếu BT lên bảng, gọi HS 3 tổ lên điền số. - HD nhận xét, chữa bài. - GV chốt KQ đúng. a/ 4, 5, 6. b/ 86, 87, 88. c/ 896, 897, 898. d/ 9, 10, 11. - Cho HS đổi vở kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> * HS thực hiện như BT 1. * 1 HS nêu . - HSTL. - HS làm bài vào vở. - HS 3 tổ tiếp nối nhau lên điền số. - Cả lớp nhận xét, sửa chữa.
3'	<i>d. Bài 4 a. Viết số thích hợp vào chỗ chấm</i>	<ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. 1 HS làm bảng lớp. - Chữa bài (Y/c HS giải thích cách làm) - GV đánh giá, chốt KQ đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra. * HS tự làm bài 4a vào vở. 1 HS làm bảng lớp. - Chữa bài .
3'	3 .Củng cố, dặn	* Gọi HS nhắc lại đặc	a/ 909; 910; 911;

	dò:	điểm của dãy số tự nhiên. - GV nhận xét giờ học. - Dặn dò HS về nhà Cb tiết học sau .	912; 913 914; ... * 1, 2 HS nhắc lại. - Lắng nghe.
--	------------	---	--

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU - ĐOÀN KẾT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS biết thêm một số từ ngữ (thành ngữ, tục ngữ) về chủ đề: Nhân hậu- Đoàn kết.

2. Kỹ năng:

- HS biết cách mở rộng vốn từ theo chủ đề.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS tính nhân hậu, đoàn kết, biết yêu thương, giúp đỡ mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Phiếu khổ to, bảng phụ.

2. Học sinh: - SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

A. Ổn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ dùng để làm gì ? - Tiếng dùng để làm gì? -> Nhận xét, đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS trả lời. - Lớp nhận xét, bổ sung.
32'	2. Bài mới:		
1'	<i>a. Giới thiệu bài :</i>	<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu mục đích, y/c tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe.
	<i>b. HD làm bài tập:</i>		
7'	* <i>Bài 1:</i> <i>Tìm từ chứa tiếng “hiền” chứa tiếng “ác”?</i>	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS nêu y/c BT. - Cho HS thảo luận cặp, hoàn thành nội dung trong bảng (SGK) - GV treo bảng phụ, gọi HS lên điền KQ. - HD nhận xét, bổ sung. (GV cung HS giải nghĩa một số từ) - GV kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> * 1 HS nêu y/c BT. - Thảo luận cặp. - HS tiếp nối nhau lên điền từ. - Nhận xét, bổ sung. <i>a, Hiền hậu, hiền đức, hiền tài, hiền dụ,...</i> <i>b, Hung ác, ác nghiệt, ác ôn, ác báo, ác mộng, ác quỷ, ác liệt, ác khẩu...</i>
8'	* <i>Bài 2:</i>	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS nêu y/c BT. - Phát phiếu cho các nhóm làm bài. Nhóm nào xong trước lên gắn phiếu. - GV cùng HS nhận xét, sửa chữa. - GV chốt lời giải đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> * 1 HS nêu y/c BT. - HS thảo luận, hoàn thành BT trong phiếu. - Gắn phiếu lên bảng. - Nhận xét, bổ sung.

6'	<p>* Bài 3:</p> <p>- Điền vào câu thành ngữ, tục ngữ.</p>	<p>* Gọi HS nêu y/c BT.</p> <p>- Gọi ý làm bài.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài vào vở.</p> <p>- Gọi HS nêu KQ.</p> <p>- Nhận xét, chốt câu đúng.</p>	<p>* 1HS nêu y/c BT.</p> <p>- HS làm bài vào vở.</p> <p>- HS nêu KQ.</p> <p>- Nhận xét, bổ sung.</p> <p>a, <i>Hiền như bụt (đất).</i></p> <p>b, <i>Lành như đất (Bụt).</i></p> <p>d, <i>Thương nhau như chị em gái.</i></p>
10'	<p>* Bài 4:</p> <p>- Tập giải nghĩa một số câu thành ngữ, tục ngữ.</p>	<p>* Gọi HS nêu y/c và nội dung BT.</p> <p>- Cho HS thảo luận với bạn về ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ. (GV nhắc HS nêu cả nghĩa đen và nghĩa bóng).</p> <p>- Gọi HS nêu ý kiến.</p> <p>- HD nhận xét, chốt lời giải đúng.</p> <p>-> Gọi HS nêu tình huống sử dụng các câu tục ngữ, thành ngữ trên.</p>	<p>* 1HS nêu y/c BT.</p> <p>- HS nối tiếp đọc các câu tục ngữ, thành ngữ.</p> <p>- HS thảo luận cặp.</p> <p>- Vài HS nêu ý kiến.</p> <p>- nhận xét, bổ sung.</p>
3'	<p>3. Củng cố, dặn dò:</p>	<p>* GV nhận xét giờ học;</p> <p>- Dặn dò HS.</p>	

KHOA HỌC
VAI TRÒ CỦA VI – TA – MIN,
CHẤT KHOÁNG VÀ CHẤT XƠ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS kể tên và nêu vai trò các thức ăn chứa nhiều vitamin, chất khoáng và chất xơ.
- Xác định được nguồn gốc của nhóm thức ăn chứa nhiều vitamin, chất khoáng và chất xơ.

2. Kỹ năng:

- HS phân biệt được các loại thức ăn có chứa vitamin, chất khoáng, chất xơ.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS có ý thức trong việc lựa chọn thức ăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Hình 14, 15 (SGK). Phiếu học tập nhóm.

2. Học sinh: - SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

A. Ôn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	- Nêu vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể? - Nhận xét, đánh giá.	- Hai học sinh trả lời. - Nhận xét và bổ sung.
32' 1'	2. Bài mới: <i>a. Giới thiệu bài :</i> <i>b. Các hoạt động:</i>	* GV nêu mục đích, y/c tiết học.	* Nghe.
15'	* <i>Hoạt động 1:</i> - Trò chơi thi kể tên các thức ăn chứa nhiều vitamin, chất khoáng và chất xơ.	* Chia nhóm và hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi các nhóm lên trình bày. - Nhận xét, kết luận .	* HS chia nhóm thảo luận, ghi kết quả vào phiếu. - Đại diện các nhóm gắn phiếu và trình bày KQ. - Nhận xét và so sánh kết quả của các nhóm.
16'	* <i>Hoạt động 2:</i> - Thảo luận về vai trò của	* Cho HS kể tên nêu vai trò một số vitamin em biết ?	* HS nối tiếp nhau kể.

<p>3'</p>	<p><i>vitamin, chất khoáng, chất xơ và nước.</i></p> <p>3. củng cố, dặn dò:</p>	<p>- Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa vitamin?</p> <p>- Nêu một số bệnh do thiếu VTM?</p> <p>-> GV nhận xét, kết luận và giải thích thêm</p> <p>- Gọi HS kể tên và nêu vai trò của một số chất khoáng mà em biết ?</p> <p>- Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa chất khoáng đối với cơ thể ?</p> <p>-> GV nhận xét, kết luận.</p> <p>- Tại sao chúng ta phải ăn thức ăn có chứa chất xơ ?</p> <p>- Chúng ta cần uống bao nhiêu lít nước? Tại sao cần uống đủ nước ?</p> <p>-> GV nhận xét và kết luận.</p> <p>* Gọi HS nhắc lại vai trò của vitamin, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể?</p> <p>- Nhận xét giờ học.</p> <p>- Dặn dò HS.</p>	<p>- Vitamin rất cần cho hoạt động sống của cơ thể, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh.</p> <p>- Thiếu vitamin A bị bệnh khô mắt, quáng gà. Thiếu vitamin D sẽ bị bệnh còi xương ở trẻ.</p> <p>- HS nối tiếp kể.</p> <p>- Sắt, can xi tham gia vào việc xây dựng cơ thể. Nếu thiếu các chất khoáng cơ thể sẽ bị bệnh.</p> <p>- Chất xơ cần thiết để bộ máy tiêu hoá hoạt động qua việc tạo phân giúp cơ thể thải chất cặn bã.</p> <p>- Cần uống khoảng 2 lít nước. Vì nước chiếm 2/3 trọng lượng cơ thể và giúp thải các chất thừa, độc hại ra ngoài.</p> <p>* 1, 2 HS nêu.</p> <p>- Nghe.</p>
-----------	--	--	---

TOÁN
Tiết 15: VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN

I. MỤC TIÊU :

Sau bài học , học sinh có khả năng :

1. Kiến thức:

- HS biết được đặc điểm hệ TP ở mức độ đơn giản.
- Sử dụng 10 chữ số để viết số trong hệ TP.

2. Kỹ năng:

- HS nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

3. Thái độ:

- Giáo dục tính chính xác, khoa học và lòng say mê học toán .

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Bảng phụ.

2. Học sinh: - SGK, vở nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

A. Ôn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3'	1. Kiểm tra bài cũ.	- Thế nào là dãy số tự nhiên? Cho VD? - Nhận xét, đánh giá.	- 1 HS thực hiện. - Nhận xét.
15'	2. Bài mới:		
1'	<i>a. Giới thiệu bài:</i> Dẫn dắt HS vào bài .	- GV nêu mục đích, y/c tiết học.	
8'	<i>b. Giới thiệu đặc điểm của hệ thập phân:</i>	* HV hỏi: 10 đơn vị = ? chục 10 chục = ? trăm 10 trăm = ? nghìn	* HSTL: 10 đv = 1 chục 10 chục = 1 trăm 10 trăm = 1 nghìn

6'	c. Cách viết hệ TP:	<p>10 nghìn = ? trăm nghìn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nhận xét mqh của các số trên. -> GV nói: Đó là hệ TP. - Thế nào là hệ TP? <p>* Hệ TP có bao nhiêu chữ số? Là những chữ số nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chữ số đó dùng để làm gì? - Gọi HS nêu VD? - Nêu giá trị của các chữ số trong số 999? -> GV nói: Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào từng hàng của số đó. Như vậy với 10 chữ số ta có thể viết mọi số tự nhiên. 	<p>10 nghìn nghìn = 1 trăm nghìn...</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét: cứ 10 đv tạo thành 1 đv lớn hơn liền nó. - HS TL. <p>* Có 10 chữ số là: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng để viết các số . - HS nối tiếp nêu VD: 999; 2005 ;685 402 739 - Số 999 có: 9 đv ; 9 chục; 9 trăm
18' 7'	3. Luyện tập: a. Bài 1: Viết theo mẫu.	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS nêu y/c BT. - GV HD dòng mẫu. - Cho HS làm bài vào vở. - Gọi HS chữa bài. - Nhận xét, sửa chữa. - Chốt bài làm đúng. - Cho HS đổi vở kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> * 1 HS nêu. - Làm bài theo mẫu. - HS nối tiếp nhau chữa bài. - Đổi vở kiểm tra.
5'	b. Bài 2: Viết các số thành tổng	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS đọc y/c BT. - GVHD mẫu. - Yêu cầu HS làm BT theo mẫu. 1 HS làm bảng lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> * 1 HS nêu. - Theo dõi. - Làm bài vào vở, 1 HS làm bảng. - Chữa bài.

6'	<p><i>c. Bài 3:</i> (2 số đầu). - Ghi giá trị của chữ số 5. (chỉ 5 đơn vị)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HD chữa bài. - GV nhận xét, đánh giá. * Gọi HS nêu y/c BT. - H: Giá trị của mỗi số phụ thuộc vào đâu ? - Gọi HS nêu giá trị của chữ số 5 trong số 45? - Yêu cầu HS làm 2 số đầu trong BT. - Gọi HS nêu KQ. - Gọi HS nhận xét. - GV chốt KQ đúng. * Nhận xét giờ học. 	$873 = 800 + 70 + 3$ $4738 = 4000 + 700 + 30 + 8$ $10873 = 10000 + 800 + 70 + 3$ <ul style="list-style-type: none"> * 1 HS nêu. - HSTL. - 1 HS nêu. - HS làm bài. - HS nêu KQ.
3'	<p>4. Củng cố, dặn dò:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dặn dò HS về nhà ôn bài và Cb bài sau . 	

**TẬP LÀM VĂN
VIẾT THƯ**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS nắm chắc hơn mục đích của việc viết thư, nội cơ bản và kết cấu thông thường của một bức thư.

2. Kỹ năng:

- HS biết vận dụng để viết những bức thư thăm hỏi, trao đổi thông tin với bạn.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS cách ứng xử lịch sự trong giao tiếp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

1. Giáo viên: - Bảng phụ viết sẵn phần luyện tập.

2. Học sinh: - SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

A. Ổn định tổ chức lớp: (1')

B. Tiến trình giờ dạy:

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bài: <i>Thư thăm bạn</i> và nêu nội dung thư. - Nhận xét, đánh giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc và trả lời câu hỏi. - Nhận xét, bổ sung.
14'	2. Bài mới:		
1'	a. <i>Giới thiệu bài :</i>	<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu mục đích, y/c tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe.
10'	b. <i>Nhận xét:</i>	<ul style="list-style-type: none"> * Cho HS đọc thầm bài: <i>Thư thăm bạn</i>. - Bạn lương viết thư cho bạn Hồng để làm gì? - Người ta viết thư để làm gì? - Để thực hiện mục đích trên một bức thư cần có nội dung gì? - Qua bức thư em đã đọc, em thấy phần đầu, phần cuối của bức thư ntn? 	<ul style="list-style-type: none"> * HS đọc thầm. - Để chia buồn cùng gia đình Hồng vừa bị trận lũ lụt gây đau thương mất mát. - Để thông báo tin tức cho nhau chia sẻ vui buồn, trao đổi bày tỏ, thông cảm với nhau. - Nêu lý do mục đích viết thư. + Thăm hỏi tình hình của người nhận thư. + Thông báo tình hình. + Nêu ý kiến cần trao đổi:. - Đầu thư: Ghi địa điểm, thời gian, lời thưa gửi. Cuối thư: Ghi lời chúc, lời cảm ơn, lời hứa hẹn, ký tên.
3'	c. <i>Ghi nhớ:</i>	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS đọc nội dung phần ghi nhớ (sgk). 	<ul style="list-style-type: none"> * 3 – 4 HS đọc.